| TÒA ÁN NHÂN DÂN<br>TỈNH ĐỒNG THÁP | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: **08**/2021/KDTM-PT
Ngày: 23-12-2021
"V/v tranh chấp hợp đồng đại lý độc quyền phân phối hàng hóa"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Ngô Tấn L.

*Các Thẩm phán:* Bà Lê Thị Trúc P

Bà Nguyễn Thị V

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Võ N – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà:*** Bà Võ Thị T - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16/11/2021, ngày 07/12/2021 và ngày 23/12/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2021/TLPT-KDTM ngày 24 tháng 5 năm 2021, về việc *"Tranh chấp hợp đồng đại lý độc quyền phân phối hàng hóa"*.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2021/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2021/QĐ-PT ngày 21 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Nguyễn T - Chủ hộ kinh doanh P

Địa chỉ: Tổ 5, ấp 3, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn T, sinh năm 1983 là ông Nguyễn P, sinh năm 1964; Địa chỉ: Tổ 5, ấp 3, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Theo Giấy ủy quyền ngày 12/11/2021);

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn T*: Luật sư Nguyễn Văn V, sinh năm 1960 - Văn phòng luật sư C thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

2. ***Bị đơn:*** Công ty TNHH sản xuất phân bón hữu cơ sinh học W Đồng Tháp

*Người đại diện theo pháp luật*: Bà Trần Châu N, sinh năm 1987;

Địa chỉ trụ sở: QLB, ấp 1, xã M, huyện C, Đồng Tháp.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Châu N*: Luật sư Hoàng X, sinh năm 1972 - Công ty luật TNHH Hai thành viên Đ; Địa chỉ: Số 158, đường Q, phường P, quận 1, Thành phố C.

3. ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Nguyễn P, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Tổ 5, ấp 3, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn P*: Luật sư Nguyễn Văn V, sinh năm 1960 - Văn phòng luật sư C thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

*Người kháng cáo:* Công ty TNHH sản xuất phân bón hữu cơ sinh học W Đồng Tháp là bị đơn trong vụ án.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn ông Nguyễn T - Chủ hộ kinh doanh P (viết tắt là nguyên đơn) trình bày:**

Vào ngày 24/01/2018 Hộ kinh doanh P do ông Nguyễn P được ông Nguyễn T - Chủ hộ kinh doanh P ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 23/01/2018 (viết tắt là Hộ kinh doanh P hay bên B) ký Hợp đồng độc quyền phân phối hàng hóa và Phụ lục hợp đồng (viết tắt là Hợp đồng) với Công ty TNHH sản xuất phân bón hữu cơ sinh học W Đồng Tháp (viết tắt là Công ty W hay bên A), với nội dung: Bên A cung cấp sản phẩm HD02A (chuyên dùng cho lúa và cây hoa màu) và HD02B (chuyên dùng cho cây ăn trái) cho Hộ kinh doanh P làm đại lý độc quyền phân phối phân bón cao cấp cho Công ty W với thời hạn là 03 vụ lúa. Bên A yêu cầu bên B tạm ứng và bên B đã tạm ứng cho bên A số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) vào ngày 04/02/2018. Sau khi kết thúc mùa vụ thì bên B sẽ được hưởng hoa hồng là 25%/1.000 chai phân (mỗi chai 100ml), tương ứng với số tiền 98.000.000đ (Chín mươi tám triệu đồng). Tuy nhiên, từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền bên A không có giao hàng hóa cho bên B phân phối như nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng và cho đến nay bên A không có trả lại số tiền mà bên B đã tạm ứng trước đó cho bên A, cũng như bên A không có trả tiền hoa hồng cho bên B như cam kết. Ông T đã nhiều lần đến công ty W đòi lại số tiền đã tạm ứng nhưng Công ty W không thanh toán cho ông T mà đề nghị lấy phân, thuốc để trừ nợ nhưng ông T không đồng ý.

Nay ông Nguyễn T - Chủ hộ kinh doanh P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty W phải trả lại cho ông Nguyễn T - Chủ hộ kinh doanh P số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi đối với số tiền 300.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,83%/tháng T từ tháng 4/2018 đến tháng 02/2021 là 34 tháng, số tiền lãi là 84.660.000 đồng, tổng cộng là 384.660.000 đồng. Riêng đối với tiền hoa hồng 98.000.000 đồng, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn xin rút yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn Công ty TNHH sản xuất phân bón hữu cơ sinh học W Đồng Tháp do bà Trần Châu N là người đại diện theo pháp luật (viết tắt là bị đơn) trình bày:**

Giữa Công ty W do ông Nguyễn Văn V là người đại diện theo pháp luật với Hộ kinh doanh P do ông Nguyễn P đại diện ký Hợp đồng độc quyền phân phối hàng hóa và Phụ lục hợp đồng vào ngày 24/01/2018. Hợp đồng này được ký kết trước khi bà Trần Châu N cùng với ông Nguyễn Văn V ký hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp Công ty TNHH sản xuất phân bón hữu cơ sinh học W Đồng Tháp vào ngày 03/7/2018, nên việc thực hiện Hợp đồng độc quyền phân phối hàng hóa là trách nhiệm của ông V và Hộ kinh doanh P, không liên quan tới bà N. Ngoài ra ông V là đối tượng bị truy nã đã lừa dối bà N để ký hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp và đã lừa dối để kết hôn với bà N. Theo Điều 8 của Hợp đồng độc quyền phân phối hàng hóa có thỏa thuận nội dung nếu có xảy ra tranh chấp sẽ đưa ra Tòa án kinh tế tỉnh Đồng Tháp phân xử. Bà N gửi văn bản ý kiến ngày 25/12/2020 đến Tòa án làm cơ sở giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Công ty W do bà Trần Châu N là người đại diện theo pháp luật đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng đã vắng mặt không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn P trình bày:**

Ông Nguyễn P thống nhất với trình bày của ông Nguyễn T, không bổ sung gì thêm. Ông Tùng không có yêu cầu hay tranh chấp gì trong vụ án này, thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T - Chủ hộ kinh doanh P.

***Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2021/KDTM-ST ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu của Hộ kinh doanh P - Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn T.

Buộc Công ty TNHH sản xuất phân bón hữu cơ sinh học W Đồng Tháp - Người đại diện theo pháp luật là bà Trần Châu N có nghĩa vụ trả cho Hộ kinh doanh P - Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn T số tiền 384.660.000 đồng (Ba trăm tám mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty TNHH sản xuất phân bón hữu cơ sinh học W Đồng Tháp thanh toán số tiền hoa hồng 98.000.000 đồng do nguyên đơn đã rút yêu cầu.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

- Công ty TNHH sản xuất phân bón hữu cơ sinh học W Đồng Tháp - Người đại diện theo pháp luật là bà Trần Châu N phải chịu 19.233.000 đồng (Mười chín triệu hai trăm ba mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hộ kinh doanh P - Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền 11.600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0011967 ngày 08/12/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/4/2021 bà Trần Châu N đại diện cho Công ty TNHH sản xuất phân bón hữu cơ sinh học W Đồng Tháp là bị đơn trong vụ án kháng cáo bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2021/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Luật sư Hoàng X bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Châu N đại diện cho bị đơn Công ty TNHH sản xuất phân bón hữu cơ sinh học W Đồng Tháp trình bày: Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện đòi tiền của nguyên đơn là có cơ sở, bởi các căn cứ như: Căn cứ vào Hợp đồng độc quyền phân phối hàng hóa ngày 24/01/2018 và Phiếu thu ngày 04/02/2018 thì Đại lý P đặt mua 1.000 chai HD02A 100ml với số tiền 300 triệu đồng; Theo Điều 2 của Hợp đồng thì Bên B có nghĩa vụ phải đưa cho Bên A đơn đặt hàng trước từ 15 đến 20 ngày, theo Điều 56 Luật Thương mại thì Bên mua có nghĩa vụ nhận hàng theo thoả thuận và thực hiện những công việc hợp lý để giúp bên bán giao hàng, nhưng nguyên đơn đã không thực hiện đúng thỏa thuận theo hợp đồng, nên Đại lý P không có quyền đòi lại tiền đã đặt trước. Kháng cáo của bị đơn đối với toàn bộ bản án sơ thẩm là có căn cứ, bởi vì Hội đồng xét xử sơ thẩm chưa xem xét yếu tố lỗi trong việc thực hiện Hợp đồng ngày 24/01/2018, vì Phiếu thu ngày 04/02/2018 là Phiếu thu về số tiền đặt chân chứ không phải đơn đặt hàng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, bác yêu cầu khởi kiện đòi tiền của nguyên đơn.

Bà Trần Châu N đại diện cho bị đơn Công ty TNHH sản xuất phân bón hữu cơ sinh học W Đồng Tháp trình bày: Thống nhất với lời bảo vệ của Luật sư Khoa như nêu trên, đồng thời có ý kiến bổ sung: Hợp đồng ngày 24/01/2018 không được thực hiện là do lỗi của phía Đại lý P, phía Công ty W đã có thiện chí yêu cầu Đại lý P gửi đơn đặt hàng nhưng nguyên đơn không gửi đơn đặt hàng để bị đơn giao hàng theo thỏa thuận. Công ty W không có nghĩa vụ trả lại 300 triệu đồng, vì Công ty W đã chuẩn bị sẵn 1.000 chai HD02A 100ml để giao nhưng

phía Đại lý P đã không chịu nhận hàng, cho đến nay là 3 năm đã làm thuốc hết hạn sử dụng, gây thiệt hại cho phía bị đơn. Vì vậy, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy án sơ thẩm.

- Luật sư Nguyễn Văn V bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Nguyễn T - Chủ hộ kinh doanh P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn P trình bày: Trong Văn bản ý kiến và Đơn kháng cáo của bà Trần Châu N nêu rõ trách nhiệm là của ông Nguyễn Văn V đã ký Hợp đồng độc quyền phân phối hàng hóa ngày 24/01/2018, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bà N lại trình bày khác như đã nêu trên, cho thấy có sự mâu thuẫn trong trình bày về nội dung vụ việc. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, vì theo Phiếu thu ngày 04/02/2018 có thể hiện nội dung Hộ kinh doanh P đặt mua hàng 1.000 chai HD02A 100ml giá 300 triệu đồng, thời điểm này bà N là người lập Phiếu thu, đồng thời bà N cũng là vợ của ông V cùng nhận tiền; Về nghĩa vụ giao hàng thì theo Phụ lục của Hợp đồng có nêu rõ bên bán có nghĩa vụ giao hàng trực tiếp cho nông dân trong mùa vụ (04 tháng) nhưng Công ty W đã không thực hiện nghĩa vụ giao hàng đúng thỏa thuận; Tại phiên tòa phúc thẩm bà N cũng thừa nhận trách nhiệm kế thừa nghĩa vụ từ ông V theo Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 03/7/2018 giữa bà N (Bên mua) và ông V (Bên bán); Việc bà N yêu cầu lấy phân, thuốc để trừ tiền được thực hiện sau khi Hộ kinh doanh P đã khởi kiện tại Tòa án. Từ các căn cứ này, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của Công ty W.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn P đồng thời đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn T - Chủ hộ kinh doanh P trình bày: Thông nhất với lời bảo vệ của Luật sư V như nêu trên, ông Tùng không bổ sung gì thêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý giải quyết vụ việc để giải quyết phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án; Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng phúc thẩm và Thư ký phiên tòa: Hội đồng phúc thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về việc giải quyết phúc thẩm vụ việc; Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2021/DS-ST ngày 29/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện C; Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH sản xuất phân bón hữu cơ sinh học W Đồng Tháp.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện C thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại về việc *"Tranh chấp hợp đồng đại lý độc quyền phân phối hàng hóa"* là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm bà Trần Châu N đại diện cho bị đơn Công ty TNHH sản xuất phân bón hữu cơ sinh học W Đồng Tháp không thống nhất bản án sơ thẩm số: 01/2021/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C nên đã kháng cáo. Việc bà N nộp Đơn kháng cáo ngày 26/4/2021 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm (Bà N nhận bản án sơ thẩm do Tòa án nhân dân huyện C tống đạt vào ngày 14/4/2021, do bà N vắng mặt khi xét xử sơ thẩm; Bút lục 146).

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 24/01/2018 Hộ kinh doanh P do ông Nguyễn P được ông Nguyễn T - Chủ hộ kinh doanh P ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 23/01/2018 ký Hợp đồng độc quyền phân phối hàng hóa và Phụ lục hợp đồng với Công ty TNHH sản xuất phân bón hữu cơ sinh học W Đồng Tháp, nội dung Hộ kinh doanh P làm đại lý độc quyền phân phối phân bón cao cấp cho Công ty W với thời hạn là 03 vụ lúa. Sau khi kết thúc mùa vụ thì bên B sẽ được hưởng hoa hồng là 25%/1.000 chai phân (mỗi chai 100ml), tương ứng với số tiền 98.000.000 đồng. Bên A yêu cầu bên B tạm ứng và bên B đã tạm ứng cho bên A số tiền 300.000.000 đồng đặt mua 1.000 chai HD02A 100ml theo Phiếu thu ngày 04/02/2018. Sau khi ký hợp đồng Công ty W không có giao hàng hóa cho Hộ kinh doanh P như đã thỏa thuận trong Hợp đồng, đồng thời không hoàn trả số tiền đã nhận tạm ứng khi không giao hàng, nên đã phát sinh tranh chấp. Nguyên đơn ông Nguyễn T - Chủ hộ kinh doanh P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty W phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi T đến tháng 02/2021 là 84.660.000 đồng, tổng cộng là 384.660.000 đồng. Bà Trần Châu N đại diện cho bị đơn Công ty W không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho rằng bà N không có nợ nguyên đơn mà là do ông Nguyễn Văn V đại diện Công ty W ký hợp đồng với Hộ kinh doanh P và nợ tiền họ, bà N đã bị lừa dối khi nhận chuyển nhượng Công ty W từ ông V.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn T - Chủ hộ kinh doanh P buộc Công ty W - Người đại diện theo pháp luật là bà Trần Châu N có nghĩa vụ trả cho Hộ kinh doanh P số tiền đã nhận tạm ứng 300.000.000 đồng và tiền lãi 84.660.000

đồng, tổng cộng là 384.660.000 đồng là có cơ sở. Bởi lẽ, Công ty W ký hợp đồng với Hộ kinh doanh P là trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, cả hai bên đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận là phù hợp quy định pháp luật về chủ thể, hình thức và nội dung hợp đồng. Việc Công ty W có nhận số tiền tạm ứng 300.000.000 đồng từ Hộ kinh doanh P (theo Phiếu thu ngày 04/02/2018) để thực hiện hợp đồng là có thật, đã được phía bị đơn thừa nhận. Việc Hợp đồng không thực hiện được hoàn toàn là do lỗi của Công ty W đã không thực hiện nghĩa vụ giao hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng. Theo Hợp đồng độc quyền phân phối hàng hóa ngày 24/01/2018, tại Điều 7 quy định liên quan trách nhiệm của Bên A (Công ty W): *"Cung cấp đúng chủng loại, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn công bố, giao hàng đúng thời gian đã ghi trong hợp đồng hay đơn hàng"*, nhưng Bên A đã không thực hiện nghĩa vụ giao hàng sau khi Bên B (Hộ kinh doanh P) đã đặt hàng và giao tiền đặt mua 1.000 chai HD02A 100ml với số tiền 300.000.000 đồng cho Bên A theo Phiếu thu ngày 04/02/2018 dẫn đến hợp đồng không thực hiện được. Việc Công ty W không thực hiện hợp đồng và không hoàn trả tiền tạm ứng lại cho Hộ kinh doanh P đã gây thiệt hại cho phía Hộ kinh doanh P. Nên việc buộc Công ty W phải hoàn trả lại cho Hộ kinh doanh P tiền tạm ứng và phải trả tiền lãi như theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp Điều 306 Luật thương mại năm 2005. Ngoài ra, xét thấy tình tiết của vụ án cũng tương ứng với tình huống Án lệ số 09/2016 của Tòa án nhân dân tối cao thể hiện: *"Hợp đồng mua bán hàng hóa bị vi phạm do bên bán không giao hoặc không giao đủ hàng cho bên mua, dẫn đến việc bên bán có nghĩa vụ hoàn trả số tiền ứng trước và tiền lãi do chậm thanh toán"* và giải pháp pháp lý của Án lệ là: ***"****Trường hợp này, tiền lãi do chậm thanh toán được T theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường bằng mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của ít nhất ba N hàng tại địa phương tại thời điểm thanh toán (xét xử sơ thẩm), trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác"*.

Xét mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu đối với bị đơn 0,83%/tháng là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả (theo Công văn số: 1274/NHN$_o$.ĐT-KHNV ngày 21/6/2021 của N hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp; Công văn số: 426/CNĐT-TH ngày 23/6/2021 của N hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp và Công văn số: 1062/ĐTH-KT ngày 28/6/2021 của N hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp thì mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán là 10%/năm tương ứng 0,83%/tháng x 150% = 1,25%/tháng) và việc nguyên đơn chỉ yêu cầu T lãi đến tháng 02 năm 2021 mà không yêu cầu đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 29/3/2021, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn, nên chấp nhận là phù hợp.

[4] Xét kháng cáo của bà Trần Châu N đại diện cho Công ty W yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có cơ sở. Bởi lẽ, việc bà N cho rằng không có liên quan, không có trách nhiệm trong việc trả nợ cho Hộ kinh doanh P và việc giải quyết vụ án là thuộc thẩm quyền của Tòa kinh tế Tòa án tỉnh Đồng Tháp là không có căn cứ. Theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 03/7/2018 giữa bà N (Bên mua) và ông Nguyễn Văn V (Bên bán) thì các bên có thỏa thuận *"Bên mua có trách nhiệm thừa kế toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của bên bán với tư cách là một thành viên góp vốn của Công ty TNHH sản xuất phân bón hữu cơ sinh học W Đồng Tháp kể từ ngày hoàn tất chuyển nhượng vốn góp"*, nên bà N có trách nhiệm kế thừa nghĩa vụ, tiếp tục đại diện cho Công ty W thực hiện nghĩa vụ cho Hộ kinh doanh P là phù hợp; Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp, xét thấy mặc dù các bên có thỏa thuận trong Hợp đồng độc quyền phân phối hàng hóa ngày 24/01/2018 về việc *"Nếu có tranh chấp sẽ đưa ra Tòa Kinh tế tỉnh Đồng Tháp phân xử"*, tuy nhiên trong trường hợp này nguyên đơn vẫn có quyền lựa chọn Tòa án theo thỏa thuận hợp đồng hay Tòa án nơi bị đơn có trụ sở chính hoặc là Tòa án nơi thực hiện hợp đồng là Tòa án nhân dân huyện C giải quyết để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm là phù hợp quy định khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vì vậy việc nguyên đơn lựa chọn Tòa án huyện C để giải quyết tranh chấp là không trái pháp luật, nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N là phù hợp.

Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm bà N đại diện cho bị đơn Công ty W cho rằng phía nguyên đơn Hộ kinh doanh P đã không cung cấp cho bị đơn đơn đặt hàng trước từ 15 đến 20 ngày theo thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm hợp đồng, nên không phát sinh nghĩa vụ buộc bị đơn phải giao hàng, ngoài ra bà N cho rằng bị đơn đã có thành ý yêu cầu phía nguyên đơn nhận hàng sau khi Công ty W sản xuất 1.000 chai HD02A 100ml nhưng phía nguyên đơn không nhận hàng, dẫn đến hàng hóa bị quá hạn sử dụng đã gây thiệt hại cho bị đơn, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy trình bày của bà N là không có cơ sở, bởi lẽ bà N đã không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình là có căn cứ, trong khi có chứng cứ chứng minh phía nguyên đơn đã đặt mua hàng là 1.000 chai HD02A 100ml, với số tiền 300.000.000 đồng thể hiện trong nội dung Phiếu thu ngày 04/02/2018 do bà N lập, nhưng bị đơn đã không giao hàng cho khách hàng là người nông dân trong diện tích bao tiêu lúa của mùa vụ, theo thỏa thuận trong mục 2 của Phụ lục hợp đồng, ngoài ra xét thấy lời khai của bà N tại phiên tòa phúc thẩm cũng không phù hợp với nội dung Văn bản ý kiến ngày 25/12/2020 và Đơn kháng cáo ngày 26/4/2021 của bà N về xác định trách nhiệm

của ông V, bà N đại diện cho Công ty W với Hộ kinh doanh P trong vụ án này. Vì vậy, không chấp nhận trình bày và yêu cầu của bà N.

[5] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Châu N đại diện cho Công ty W, giữ nguyên bản án sơ thẩm, tuy nhiên cần điều chỉnh cách tuyên và điều luật áp dụng cho phù hợp.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên được xem xét chấp nhận.

[7] Đối với quan điểm và đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn tại phiên tòa, xét thấy là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Riêng đối với quan điểm và đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn tại phiên tòa, xét thấy là không có đủ cơ sở như đã phân tích trên, nên không được chấp nhận.

[8] Về án phí: Do kháng cáo của bà Trần Châu N đại diện hợp pháp cho bị đơn Công ty W không được chấp nhận, nên Công ty W phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

**1.** Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Châu N đại diện cho bị đơn Công ty TNHH sản xuất phân bón hữu cơ sinh học W Đồng Tháp;

**2.** Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm;

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 và các Điều 147, 148, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 24, 34, 37, 50, 55 và Điều 166, Điều 176, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; khoản 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T đại diện theo pháp luật của Hộ kinh doanh P.

Buộc Công ty TNHH sản xuất phân bón hữu cơ sinh học W Đồng Tháp có nghĩa vụ trả cho Hộ kinh doanh P số tiền 384.660.000 đồng (Ba trăm tám mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

2.2 Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T đại diện theo pháp luật của Hộ kinh doanh P, về việc yêu cầu Công ty TNHH sản xuất phân bón hữu cơ sinh học W Đồng Tháp thanh toán số tiền hoa hồng 98.000.000 đồng (do nguyên đơn đã rút yêu cầu).

2.3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền có nghĩa vụ thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2.4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm

- Công ty TNHH sản xuất phân bón hữu cơ sinh học W Đồng Tháp phải chịu 19.233.000 đồng (Mười chín triệu hai trăm ba mươi ba nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ông Nguyễn T đại diện theo pháp luật của Hộ kinh doanh P không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.600.000 đồng, theo biên lai thu số BI/2019/0011967 ngày 08/12/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

**3.** Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm

Công ty TNHH sản xuất phân bón hữu cơ sinh học W Đồng Tháp phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Trần Châu N là người đại diện theo pháp luật của Công ty W đã nộp, theo biên lai thu số BI/2019/0012586 ngày 27/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (N).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
**(Đã ký và đóng dấu)**
**Ngô Tấn L**